

**UBND TỈNH KON TUM
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH,
CẬP NHẬT BỔ SUNG
QUY HOẠCH THỦY LỢI TỈNH
KON TUM GIAI ĐOẠN 2011-2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /BCTĐ-HĐTĐ

Kon Tum, ngày 10 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum
giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT, ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu,

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định một số nội dung về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Hội đồng thẩm định rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Biên bản thẩm định số 08/BBTĐ-HĐTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng thẩm định rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 167/TTr-SNN, ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt Rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2025 (kèm theo bản Quy hoạch đã hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng thẩm định tại Biên bản số 08/BBTĐ-HĐTĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 và ý kiến của các thành viên phản biện),

Sau khi thẩm định, Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định rà soát,

điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch*), với các nội dung chính sau đây:

A. CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển, quy hoạch cấp nước và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan khác. Đảm bảo tính kế thừa trong việc xây dựng quy hoạch, sử dụng các tài liệu đã nghiên cứu và những cơ sở hạ tầng còn phù hợp tiếp tục đưa vào quy hoạch.

Phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đến năm 2025, làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại hóa, công nghệ cao, thâm canh cao, góp phần phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện thành công chương trình xóa đói giảm nghèo, định canh định cư và bảo đảm an ninh, quốc phòng;

Khai thác sử dụng nước hợp lý, phục vụ đa mục tiêu, thống nhất theo lưu vực sông và hệ thống công trình thủy lợi, không chia cắt theo địa giới hành chính; Chú trọng phát triển thủy lợi cho vùng sâu vùng xa, biên giới, nhất là những vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước; khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ, tái tạo nguồn nước bằng biện pháp công trình và phi công trình; chú ý đến bảo vệ môi trường nước, đặc biệt môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi; Nâng cao mực nước bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai (*bão lũ, hạn hán, sạt lở đất...*), có kế hoạch và biện pháp thích hợp cho từng vùng, chủ động ứng phó, phòng tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu thiệt hại;

Quản lý và phát triển thủy lợi ổn định, bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu các nguồn lực; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi; Kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp quản lý Nhà nước, biện pháp hành chính với việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quy hoạch.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Tổng hợp hiện trạng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên (*do biến đổi khí hậu*) đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến cuối năm 2016. Từ đó, đề xuất điều chỉnh, cập nhật, bổ sung Quy hoạch các danh mục công trình thủy lợi cần nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cấp nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2025 để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống hạn hán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về cấp nước tưới cho nông nghiệp

Tính toán nghiên cứu và đề xuất các phương án tu sửa, nâng cấp các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm điện trên địa bàn tỉnh và quy hoạch xây dựng mới các công trình hồ chứa, đập dâng trên địa bàn tỉnh để đảm bảo cấp nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh ứng phó với điều kiện biến đổi khí hậu và phòng chống hạn hán đến năm 2025, cụ thể: (1) Mức bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đạt tần suất tưới là 85%; (2) Đảm bảo chủ động nước tưới cho 100% diện tích lúa 2 vụ, cây công nghiệp và rau màu; (3) Diện tích tưới tăng thêm sau quy hoạch (*chủ yếu là công trình xây dựng mới*) là 3.025,5 ha trong giai đoạn 2018-2020 (*trong đó: Lúa 02 vụ 460,5 ha, cây công nghiệp 2.565,0 ha; Cấp nước sinh hoạt cho 38.450 người*) và 6.511,0 ha trong giai đoạn 2021-2025 (*Trong đó: Lúa 02 vụ 3.648,0 ha, cây công nghiệp 2.529,0 ha, cây trồng khác 334,0 ha; Cấp nước sinh hoạt cho 21.450 người*).

2.2.2. Về tiêu nội đồng và chống úng ngập

Rà soát các tuyến kênh tiêu đã được quy Quy hoạch, đề xuất bổ sung quy hoạch các tuyến kênh tiêu để đảm bảo tiêu thoát và chống ngập úng cho các diện tích vùng trũng ven các triền sông, suối trong tỉnh.

2.2.3. Về bảo vệ bờ và phòng chống sạt lở

Rà soát các tuyến kè bảo vệ bờ đã được quy hoạch, đề xuất bổ sung quy hoạch các tuyến kè bảo vệ bờ mới vào quy hoạch đã được phê duyệt để đảm bảo chống sạt lở các đoạn bờ sông, bờ suối có nguy cơ sạt lở cao dọc theo các tuyến sông suối. Bảo vệ an toàn cho các khu vực dân cư, diện tích đất sản xuất canh tác của nhân dân trong vùng và các trọng điểm kinh tế - văn hóa – xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025.

2. Thời gian thực hiện Quy hoạch: Đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

3. Chủ đầu tư (*giai đoạn lập Quy hoạch*): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Cơ quan đại diện chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Kon Tum.

5. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Xuân Thiện và Công ty TNHH Tấn Thành.

6. Nội dung Quy hoạch

6.1. Cập nhật, bổ sung quy hoạch công trình thủy lợi nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025

Căn cứ vào hiện trạng công trình thủy lợi, quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh; Đồng thời, căn cứ vào dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu dùng nước của các công trình cũng như khả năng cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; Quy hoạch đề xuất cập nhật, bổ sung danh mục công trình thủy lợi cần nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 như sau:

6.1.1. Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi

6.1.1.1. Giai đoạn 2018-2020

TT	Tên huyện, TP	Số lượng công trình	Diện tích tưới (ha)	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TP. Kon Tum	2	360	11.800
2	Kon Rẫy	-	-	-
3	Đăk Glei	1	70	6.200
4	Sa Thầy	3	1.078	24.900
5	Đăk Hà	10	5.036	41.200
6	Ngọc Hồi	1	300	23.000
7	Tu Mơ Rông	3	133	6.000
8	Đăk Tô	1	47	9.700
9	Kon Plông	9	336	7.350
10	Ia H' Drai	-	-	-
Tổng cộng		30	7.360	130.150

6.1.1.2. Giai đoạn 2021÷2025

TT	Tên huyện, TP	Số lượng công trình	Diện tích tưới (ha)	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TP. Kon Tum	22	1.683	294.000
2	Kon Rẫy	21	314	32.000
3	Đăk Glei	36	444	58.300
4	Sa Thầy	37	871	77.000
5	Đăk Hà	19	4.369	51.500
6	Ngọc Hồi	18	813	37.200
7	Tu Mơ Rông	31	395	39.200
8	Đăk Tô	34	748	74.700
9	Kon PLông	37	1.026	47.700
10	Ia H' Drai	-	-	-
TỔNG SỐ		255	10.663	711.600

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

6.1.2. Xây dựng mới các công trình thủy lợi

6.1.2.1. Giai đoạn 2018-2020

TT	Tên huyện, TP	Số lượng công trình	Diện tích tưới (ha)	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TP. Kon Tum	-	-	-
2	Kon Rẫy	1	2.000	400.000
3	Đăk Glei	-	-	-
4	Sa Thầy	-	-	-
5	Đăk Hà	3	22	4.400
6	Ngọc Hồi	2	12	2.400
7	Tu Mơ Rông	4	29,5	7.000
8	Đăk Tô	-	-	-
9	Kon Plông	5	47	9.400
10	Ia H'Drai	2	915	330.029
TỔNG SỐ		17	3.025,5	753.229

6.1.2.2. Giai đoạn 2021-2025

TT	Tên huyện, TP	Số lượng công trình	Diện tích tưới (ha)	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	TP. Kon Tum	7	193	38.600
2	Kon Rẫy	8	250	50.000
3	Đăk Glei	29	993	184.900
4	Sa Thầy	3	284	56.800
5	Đăk Hà	8	1.256	157.700
6	Ngọc Hồi	4	34	6.800
7	Tu Mơ Rông	25	210	44.900
8	Đăk Tô	10	730	146.000
9	Kon Plông	63	1.536	266.600
10	Ia H'Drai	17	1.025	218.000
TỔNG SỐ		174	6.511	1.170.300

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

6.1.3. Xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các kênh tiêu nội đồng trong giai đoạn 2021-2025

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)
1	Hệ thống kênh tiêu Đăk Tía	Xã Đoàn Kết, TP Kon Tum	3.500
2	Hệ thống kênh tiêu Ya Bang Thượng	Xã Hòa Bình, TP Kon Tum	4.000
3	HT kênh tiêu Kon Trang Kla, Bà Tri	Xã Đăk La, Đăk Hà	6.000
4	Hệ thống tiêu Đăk Hơ Niêng	Xã Bờ Y, Ngọc Hồi	4.500
5	Hệ thống tiêu hồ Đăk Uy	TT Đăk Hà	7.500
6	Hệ thống kênh tiêu các công trình thủy lợi xã Đăk La, Đăk Hà	Xã Đăk La, Đăk Hà	30.000
TỔNG CỘNG			55.500

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

6.1.4. Xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các tuyến kè bảo vệ bờ trong giai đoạn 2021-2025

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)
I	Huyện Đắk Tô		
1	Kè bờ sông Đắk Tô Kan	TT Đắk Tô	19.100
2	Kè bờ suối cầu sập	TT Đắk Tô	1.700
3	Kè chống sạt lở khu dân cư khối 5	TT Đắk Tô	3.000
II	Huyện Đắk Hà		
1	Kè chống sạt lở sông Đắk Pxi	Huyện Đắk Hà	30.000
2	Kè suối Đắk Ui	Thị trấn Đắk Hà	9.000
III	Huyện Sa Thầy		
1	Kè chỉnh trị suối Đắk Sia đoạn qua xã Sa Nhơn, Sa Nghĩa, TT Sa Thầy	Sa Nhơn, Sa Nghĩa, TT Sa Thầy	42.000
2	Kè thôn Tam An	Sa Sơn	18.000
IV	Huyện Ngọc Hồi		
1	Kè đoạn 1 (thôn Ja Tun-Đắk Sút)	Đắk Ang	20.000
2	Kè đoạn 2 (thôn Đắk Sút)	Đắk Ang	28.000
3	Kè đoạn 3 (thôn Nông Nội)	Đắk Nông	24.000
4	Kè khu vực thôn Đắk Blái	Đắk Ang	24.000
5	Kè khu vực thôn thôn 5-6	TT PleiKân	16.000
6	Kè tuyến sông PôKô	Các xã, thị trấn	29.600
V	Huyện Kon Rẫy		
1	Kè bảo vệ khu dân cư (Thôn 1-7)	TT Đắk Rve	36.000
2	Kè bảo vệ thôn 5 – thôn 6	Xã Tân Lập	18.000
3	Kè bảo vệ khu dân cư trung tâm Đắk Ruồng – Tân Lập	Đắk Ruồng – Tân Lập	24.000
4	Kè chống sạt lở	Thôn 1 xã Đắk Tơ Lung	12.000
5	Kè chống sạt lở	Thôn 1 xã Đắk Kôi	18.000
6	Kè chống sạt lở	Thôn 2 xã Đắk Pnê	24.000
7	Kè chống sạt lở	Thôn 10 xã Đắk Ruồng	18.000
8	Kè chống sạt lở	Cầu 23 đến thôn 12 xã Đắk Tô Re	30.000
9	Kè chống sạt lở	Thôn 7 – thôn 9 xã Đắk Kôi	18.000
VI	Thành phố Kon Tum		
1	Dự án kè chống sạt lở dọc suối Hnôr	Phường Lê Lợi	20.000
2	Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng dân tộc thiểu số dọc sông Đắk Bla		400.000
	TỔNG CỘNG		882.420

(Chi tiết tại Phụ lục 4)

6.2. Phân kỳ thực hiện và đầu tư

Nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, an toàn và phát huy hiệu quả khai thác công trình, cần kịp thời đưa các công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng sớm đi vào hoạt động, tránh tình trạng sẽ bị hư hỏng thêm, đồng thời, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới một số công trình cấp bách, phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước và phòng chống thiên tai. Dự kiến phân kỳ đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi theo từng giai đoạn đến năm 2025 như sau:

TT	Hạng mục	Số công trình	Kinh phí (triệu đồng)
I	Giai đoạn 2018 – 2020	47	883.379
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi	30	130.150
2	Xây dựng mới công trình thủy lợi	17	753.229
II	Giai đoạn 2021 – 2025	429	2.819.820
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi	255	711.600
2	Xây dựng mới công trình thủy lợi	174	1.170.300
3	Nâng cấp công trình tiêu nội đồng	6	55.500
4	Công trình bảo vệ bờ	24	882.420
	TỔNG CỘNG	476	3.703.199

7. Nguồn vốn đầu tư

Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch đến năm 2025 khoảng 3.703 tỷ đồng. Trong đó:

Giai đoạn 2018 – 2020: 883,379 tỷ đồng được đầu tư từ các nguồn vốn như vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (45,5 tỷ đồng); vốn cân đối ngân sách tỉnh (20 tỷ đồng); Nguồn vốn trái phiếu chính phủ do Bộ Nông nghiệp quản lý đầu tư xây dựng các công trình (325 tỷ đồng); Nguồn vốn vay ngân hàng thế giới WB8 (200 tỷ đồng); Nguồn vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (321,182 tỷ đồng); Ngoài ra, huy động các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch gồm: Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; Nguồn vốn của các tổ chức: ODA, ADB, WB, FDI ... và các nguồn vốn hợp pháp khác hoặc đầu tư theo hình thức PPP

Giai đoạn 2021 – 2025: 2.819,82 tỷ đồng được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước; Các nguồn vốn do nhà nước vay hoặc bảo lãnh vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn viện trợ của các chính phủ, tổ chức Quốc tế; nguồn vốn xã hội hóa.

8. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

8.1. Giải pháp về nguồn vốn

Nhu cầu vốn đầu tư là khá lớn, do đó cần phải huy động đa dạng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch. Việc huy động vốn đầu tư

thực hiện theo nguyên tắc: Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đặc biệt quan trọng, công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội, hồ chứa nước ở vùng khan hiếm nước; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo hình thức đối tác công tư.

8.2. Giải pháp về quản lý khai thác công trình thủy lợi

8.2.1. Nguyên tắc quản lý, khai thác công trình thủy lợi

Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi, từ công trình đầu mối đến công trình thủy lợi nội đồng; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế; Tuân thủ quy trình vận hành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có phương án ứng phó thiên tai; Bảo đảm hài hòa các lợi ích, chia sẻ rủi ro, hạn chế tác động bất lợi đến các vùng liên quan; phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp, phục vụ đa mục tiêu của hệ thống thủy lợi; Quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải có sự tham gia của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các bên có liên quan; Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

8.2.2. Tổ chức và phương thức khai thác công trình thủy lợi

Chủ thể khai thác công trình thủy lợi bao gồm: Doanh nghiệp; Đơn vị sự nghiệp; Tổ chức thủy lợi cơ sở; Cá nhân, trong đó:

Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó quyết định phương thức khai thác.

Cơ quan quản lý công trình thủy lợi quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước như sau: Công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp nhà nước (*Đơn vị sự nghiệp*) quản lý, khai thác và thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ; Công trình thủy lợi không thuộc trường hợp quy định trên được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

8.3. Giải pháp về thực hiện quy hoạch

8.3.1. Tổ chức quản lý công trình thủy lợi

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách theo dõi chung hệ thống công trình thủy lợi của tỉnh.

UBND các huyện, thành phố theo dõi, quản lý tình hình hoạt động của các công trình trên địa bàn quản lý. UBND thị trấn, xã theo dõi, giám sát hoạt động của các công trình thủy lợi trên địa bàn.

Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cho UBND các huyện, thành phố các biện pháp hữu hiệu trong công tác phòng, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ, giải quyết và xử lý các tình huống thiên tai xảy ra; tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

8.3.2. Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì (*Chi cục Thủy lợi là cơ quan thường trực*) có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh: Củng cố hệ thống quản lý từ cấp tỉnh đến cấp xã; Tăng cường công tác tập huấn về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, đơn vị được giao quản lý, khai thác các công trình thủy lợi ở địa phương.

8.3.3. Phát triển nguồn nhân lực

Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng tham gia công tác quản lý, nghiên cứu, thiết kế, xây dựng thủy lợi và quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/5/2018 về Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.

8.3.4. Phối hợp quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên nước và công trình thủy lợi

Tăng cường hợp tác với các tỉnh lân cận về quản lý tài nguyên nước và công trình thủy lợi để chủ động phát triển nguồn nước; tranh thủ sự hợp tác, chuyển giao công nghệ, chính sách của các tổ chức quốc tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp nông thôn, tài nguyên nước.

Tuyên truyền trong cán bộ và nhân dân về Luật bảo vệ nguồn tài nguyên nước, giúp họ tự nguyện bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này. Mặt khác, cần có quy định và luật pháp chặt chẽ với việc xử lý nguồn nước thải của các doanh nghiệp, công nghiệp, việc xử lý các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong nông - lâm nghiệp, nhằm bảo vệ nguồn nước và môi trường; Xây dựng các chính sách, biện pháp, khai thác, phát triển, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng một cách hợp lý, đồng bộ và đồng thời phải xem việc bảo vệ tài nguyên đất, nước và rừng như là mối quan hệ hữu cơ, có tác động qua lại và liên quan hết sức chặt chẽ với nhau.

Xác định phạm vi bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận theo quy định. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

B. CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

I. Cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng để lập quy hoạch và nội dung Quy hoạch

1. Cơ sở pháp lý

Quy hoạch được lập căn cứ vào Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT, ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định một số nội dung về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Như vậy, việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chủ đầu tư*) và đơn vị tư vấn lập đảm bảo cơ sở pháp lý.

2. Cơ sở khoa học

Việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch được lập trên cơ sở thống kê, đánh giá thực trạng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; đồng thời phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dự báo biến đổi khí hậu đến các công trình hiện có. Từ đó xác định quan điểm, mục tiêu, phương án quy hoạch và các giải pháp thực hiện quy hoạch. Do vậy, việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch được lập đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa và tình hình thực tiễn tại địa phương.

3. Độ tin cậy của các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng

Qua kiểm tra, đối chiếu các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng cho thấy: các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng trong Quy hoạch được cập nhật có chọn lọc từ nhiều nguồn: Niên giám thống kê của tỉnh Kon Tum; Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của UBND tỉnh; đồng thời sử dụng, kế thừa các thông tin, số liệu, tư liệu từ các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, như Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020; Quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025; Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2025; Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện;... Cơ quan chủ trì cũng đã tiến hành điều tra, khảo sát bổ sung những thông tin, số liệu còn thiếu, làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá và dự báo được đầy đủ, sát thực. Do đó, các thông tin, số liệu, tư liệu sử dụng nhìn chung đảm bảo độ tin cậy.

4. Nội dung Quy hoạch

Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa tối đa ý kiến tham gia bằng văn bản của các Sở, ban ngành liên quan; ý kiến của các thành viên phản biện và kết luận tại

Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định;

Nội dung của Quy hoạch thực hiện đủ các yêu cầu theo Đề cương nhiệm vụ đã được UBND tỉnh thống nhất tại Quyết định số 935/QĐ-UBND, ngày 18/9/2017 về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí Rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025;

II. Sự phù hợp của Quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở tình hình thực hiện Quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025; Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025 (lần 1; lần 2; lần 3); Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm thời kỳ đầu 2011-2015 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2025. Do đó, các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng điều chỉnh quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. Mục tiêu và nguồn vốn của Quy hoạch

1. Mục tiêu

Quy hoạch đã đánh giá được toàn bộ hiện trạng công trình thủy lợi đến năm 2017 theo Quyết định đã được phê duyệt, đánh giá sự ảnh hưởng do biến đổi khí hậu đến các công trình thủy lợi; đồng thời, xác định được nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cũng như dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi. Từ đó, rà soát loại bỏ những công trình đã được quy hoạch nhưng không phù hợp với hiện tại, đề xuất kế hoạch đầu tư nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới các công trình một cách phù hợp để phục vụ cho nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống hạn hán. Các mục tiêu đặt ra phù hợp quan điểm phát triển, đúng định hướng chung của tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng chung.

2. Nguồn vốn đầu tư

Dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch đến năm 2025 khoảng 3.703 tỷ đồng (*Trong đó: Giai đoạn 2018 – 2020: 883,379 tỷ đồng; Giai đoạn 2021 – 2025: 2.819,82 tỷ đồng*) được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước; Các nguồn vốn do nhà nước vay hoặc bảo lãnh vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn viện trợ của các chính phủ, tổ chức Quốc tế; nguồn vốn xã hội hóa..

IV. Tính thống nhất của Quy hoạch với các quy hoạch khác liên quan

Quy hoạch được lập trên cơ sở thống kê, phân tích đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025; Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025 (lần 1; lần 2; lần 3); Quy hoạch tổng

thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể nông nghiệp, nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2025; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm thời kỳ đầu 2011-2015 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum; đồng thời đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu dùng nước của các công trình thủy lợi cũng như khả năng cấp nước trong điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum để đề xuất các giải pháp phù hợp. Do đó, về cơ bản Quy hoạch phù hợp và thống nhất với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch ngành và các quy hoạch khác liên quan.

V. Các giải pháp thực hiện, tính khả thi và các biện pháp quản lý thực hiện Quy hoạch

1. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

Báo cáo Quy hoạch đã đề xuất các giải pháp để tổ chức thực hiện quy hoạch, bao gồm: Giải pháp về quản lý khai thác các công trình thủy lợi; Giải pháp về tổ chức và phương thức khai thác; Giải pháp về vốn; Giải pháp về thực hiện quy hoạch như công tác tổ chức quản lý công trình thủy lợi; phát triển nguồn nhân lực; kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi; quản lý và bảo vệ tài nguyên nước. Nhìn chung, các giải pháp được đề cập trong Báo cáo quy hoạch khá đầy đủ, rõ ràng, có tính khả thi nhằm quản lý bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình thủy lợi và sử dụng nước tiết kiệm, an toàn; Tăng cường đầu tư xây dựng nâng cấp sửa chữa, xây dựng mới nhằm đảm bảo cấp nước cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh ứng phó với điều kiện biến đổi khí hậu và phòng chống hạn hán đến năm 2025.

2. Tính khả thi của Quy hoạch

Qua xem xét tổng hợp các vấn đề về quan điểm, mục tiêu, phương án quy hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện cho thấy: rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025 đảm bảo tính thực tiễn, tính khả thi.

3. Các biện pháp quản lý thực hiện Quy hoạch

Trong Báo cáo Quy hoạch đã định hướng về thay đổi cách chỉ đạo, điều hành từ khâu quy hoạch, kế hoạch đến tổ chức thực hiện; huy động nguồn lực tài chính, cân đối nhu cầu, khả năng, giải pháp để thực hiện. Công tác quản lý điều hành, tổ chức thực hiện chính quyền các cấp, các ngành thể hiện rõ trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp trong việc xây dựng các giải pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền. Báo cáo cũng đã nêu rõ nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy hoạch.

VI. Các vấn đề khác: Không

Kết luận: Rà soát, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025 được lập đảm bảo cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn. Các quan điểm, mục tiêu,

định hướng phát triển phù hợp với tiềm năng, nội lực và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Các giải pháp tổ chức thực hiện khá đầy đủ, rõ ràng, có tính khả thi.

Hội đồng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các thành viên HĐTĐ;
- Lưu VT, KT, HĐTĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Phan Văn Thế**